

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án
theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto**

Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2022.

2. Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

3. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

4. Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

5. Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo Cơ chế phát triển sạch;

Xét đề nghị của Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto.¹

¹ 1. Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục Biến đổi khí hậu và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.”

2. Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 sửa đổi và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng các Cục: Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất, Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Khoáng sản Việt Nam, Quản lý tài nguyên nước, Biến đổi khí hậu; Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Khoa học và Công nghệ, Tổ chức cán bộ và Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.”

3. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc chuẩn bị, trình tự, thủ tục xem xét, xác nhận, phê duyệt các tài liệu dự án đầu tư theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt và thực hiện dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto tại Việt Nam.

Điều 3. Danh mục từ viết tắt

định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản”.

4. Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản”.

5. Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025”.

1. Cơ chế phát triển sạch (CDM).
2. Dự án đầu tư theo CDM (dự án CDM).
3. Chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CER).
4. Tài liệu ý tưởng dự án theo CDM (PIN).
5. Văn kiện thiết kế (DD).
6. Quy mô nhỏ (SSC).
7. Trồng rừng, tái trồng rừng (AR).
8. Thu hồi và lưu giữ các-bon (CCS).
9. Văn kiện thiết kế dự án theo CDM (PDD).
10. Văn kiện thiết kế dự án quy mô nhỏ theo CDM (SSC-PDD).
11. Văn kiện thiết kế dự án trồng rừng hoặc tái trồng rừng (AR-PDD).
12. Văn kiện thiết kế dự án thu hồi và lưu giữ các-bon (CCS-PDD).
13. Văn kiện thiết kế dự án trồng rừng hoặc tái trồng rừng quy mô nhỏ theo CDM (SSC AR-PDD).
14. Chương trình các hoạt động theo CDM (PoA).
15. Hoạt động chương trình (CPA).
16. Văn kiện thiết kế Chương trình các hoạt động theo CDM (PoA-DD).
17. Văn kiện thiết kế Chương trình các hoạt động quy mô nhỏ theo CDM (SSC-PoA-DD).
18. Văn kiện thiết kế Chương trình các hoạt động trồng rừng hoặc tái trồng rừng theo CDM (AR-PoA-DD).
19. Văn kiện thiết kế Chương trình các hoạt động trồng rừng hoặc tái trồng rừng quy mô nhỏ theo CDM (SSC-AR-PoA-DD).
20. Văn kiện thiết kế Hoạt động chương trình theo CDM (CPA-DD).
21. Văn kiện thiết kế Hoạt động chương trình quy mô nhỏ theo CDM (SSC-CPA-DD).
22. Văn kiện thiết kế Hoạt động chương trình trồng rừng hoặc tái trồng rừng theo CDM (AR-CPA-DD).
23. Văn kiện thiết kế Hoạt động chương trình trồng rừng, tái trồng rừng quy mô nhỏ theo CDM (SSC-AR-CPA-DD).
24. Ban Chỉ đạo thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto (Ban Chỉ đạo).
25. Cục Biến đổi khí hậu², Bộ Nông nghiệp và Môi trường³ (Cục Biến đổi

² Cụm từ “Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu” được sửa đổi thành cụm từ “Cục Biến đổi khí hậu” theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên

khí hậu).

26. Ban chấp hành quốc tế về CDM (EB).

27. Tổ chức nghiệp vụ được EB chỉ định (DOE).

28. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng và thực hiện dự án theo Cơ chế phát triển sạch tại Việt Nam (Bên xây dựng dự án).

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thư xác nhận là văn bản được cấp cho các bên xây dựng dự án nộp PIN và xác nhận PIN có thể phát triển, xây dựng thành dự án CDM tại Việt Nam.

2. Thư phê duyệt là văn bản được cấp cho các bên xây dựng dự án nộp PDD, PoA-DD và khẳng định việc thực hiện dự án theo nội dung của PDD, PoA-DD có thể đóng góp vào sự phát triển bền vững tại Việt Nam.

3. Dự án CDM quy mô nhỏ bao gồm các hoạt động sau:

a) Các hoạt động dự án năng lượng tái tạo có công suất tối đa tương đương tới 15 MW.

b) Các hoạt động dự án nâng cao hiệu quả năng lượng nhằm giảm tiêu thụ năng lượng (cung hoặc cầu) tối đa tương đương tới 60 GW/giờ/năm.

c) Các hoạt động dự án khác giảm phát thải khí nhà kính tối đa tương đương tới 60.000 tấn CO₂/năm.

Điều 5. Những lĩnh vực xây dựng, đầu tư dự án CDM

Dự án CDM được xây dựng, đầu tư trong các lĩnh vực sau đây:

1. Sản xuất năng lượng.

2. Chuyển tải năng lượng.

3. Tiêu thụ năng lượng.

4. Nông nghiệp.

5. Xử lý chất thải.

6. Trồng rừng và tái trồng rừng.

7. Công nghiệp hóa chất.

8. Công nghiệp chế tạo.

và Môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2022.

³ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được sửa đổi thành cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

9. Xây dựng.
10. Giao thông.
11. Khai mỏ hoặc khai khoáng.
12. Sản xuất kim loại.
13. Phát thải từ nhiên liệu (nhiên liệu rắn, dầu và khí).
14. Phát thải từ sản xuất và tiêu thụ Halocarbons và Sulphur hexafluoride.
15. Sử dụng dung môi.
16. Thu hồi và lưu giữ các-bon.
17. Các lĩnh vực khác theo quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Điều 6⁴. (được bãi bỏ)

Điều 7⁵. (được bãi bỏ)

Điều 8⁶. (được bãi bỏ)

Điều 9⁷. (được bãi bỏ)

Điều 10⁸. (được bãi bỏ)

Điều 11 . Hiệu lực Thư xác nhận, Thư phê duyệt

1. Thư xác nhận PIN có hiệu lực trong thời hạn mười tám (18) tháng kể từ ngày ký.
2. Thư phê duyệt PDD hoặc PoA-DD có hiệu lực trong thời hạn hai mươi tư (24) tháng kể từ ngày ký.

Điều 12⁹. (được bãi bỏ)

Điều 13. Điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt

1. Trường hợp có sự thay đổi thành phần bên xây dựng dự án trong nội dung Thư phê duyệt đã được cấp, bên xây dựng dự án phải đề nghị điều chỉnh

⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2022/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

⁵ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2022/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

⁶ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2022/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2022/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2022/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

⁹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2022/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

nội dung Thư phê duyệt.

2. Điều kiện điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt:

a) Thư phê duyệt còn hiệu lực ít nhất ba mươi (30) ngày hoặc Thư phê duyệt đã hết hiệu lực nhưng dự án đã được EB đăng ký là dự án CDM;

b) Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

3. ¹⁰Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 kèm Thông tư này;

b) PDD hoặc PoA-DD sửa đổi bổ sung phù hợp với nội dung xin điều chỉnh và các văn bản có liên quan.

4. ¹¹ Trình tự, thủ tục điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt:

a) Bên xây dựng dự án nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Công Dịch vụ công quốc gia;

b) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, Cục Biến đổi khí hậu kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cục Biến đổi khí hậu yêu cầu bên xây dựng dự án bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo quy định, Cục Biến đổi khí hậu thẩm định hồ sơ dự án và xem xét, điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt. Trong thời hạn tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày quyết định điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt, Bộ Nông nghiệp và Môi trường trả kết quả cho bên xây dựng dự án; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Điều 14. Thu hồi Thư phê duyệt

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹² thực hiện việc thu hồi Thư phê duyệt

¹⁰ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

¹¹ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

¹² Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được sửa đổi thành cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư

trong các trường hợp sau đây:

- a) Giấy chứng nhận đầu tư của dự án hết thời hạn hoạt động.
- b) Các bên xây dựng dự án có quyết định bằng văn bản chấm dứt hoạt động của dự án CDM.
- c) Hoạt động của dự án bị chấm dứt theo quyết định của cơ quan nhà nước quản lý đầu tư hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài do vi phạm pháp luật.
- d) Trong thời gian mười hai (12) tháng sau khi được cấp Thư phê duyệt, các bên xây dựng dự án không thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Thông tư này.

2. Trong trường hợp Thư phê duyệt bị thu hồi, các bên xây dựng dự án chỉ được xem xét cấp Thư phê duyệt mới sau một (01) năm, kể từ ngày thu hồi, nếu đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến lý do thu hồi Thư phê duyệt trước đây.

Điều 15. Trách nhiệm báo cáo của các bên xây dựng dự án

1. Các bên xây dựng dự án được cấp Thư phê duyệt phải gửi báo cáo định kỳ 06 tháng một lần về tình hình hoạt động của dự án đến Cục Biến đổi khí hậu¹³, Sở Nông nghiệp và Môi trường¹⁴ và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của dự án của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi triển khai dự án theo mẫu tại Phụ lục 6 kèm Thông tư này. Thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 15 tháng 01 và tháng 7 hàng năm.

2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi có thay đổi liên quan đến các bên xây dựng dự án hoặc nội dung dự án, các bên xây dựng dự án phải thông báo bằng văn bản cho Cục Biến đổi khí hậu¹⁵ và kèm theo bản sao có chứng thực các văn bản có liên quan.

Điều 16.¹⁶ Quy định chuyển tiếp

số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

¹³ Cụm từ “Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu” được sửa đổi thành cụm từ “Cục Biến đổi khí hậu” theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2022.

¹⁴ Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” được sửa đổi thành cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

¹⁵ Cụm từ “Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu” được sửa đổi thành cụm từ “Cục Biến đổi khí hậu” theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2022.

¹⁶ 1. Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường có quy định điều khoản chuyển tiếp như sau:

“Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Thư xác nhận, Thư phê duyệt dự án CDM đã nộp nhưng chưa được cấp Thư xác nhận, Thư phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 15/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Đối với dự án đã được cấp Thư xác nhận hoặc Thư phê duyệt dự án CDM trước ngày Thông tư này có hiệu lực, bên xây dựng dự án tiếp tục thực hiện theo nội dung Thư xác nhận hoặc Thư phê duyệt đã được cấp.

2. Điều khoản chuyển tiếp

Các yêu cầu điều kiện đầu tư kinh doanh, hồ sơ đã được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì hành thi xử lý theo quy định của các Thông tư hiện hành tại thời điểm tiếp nhận.

2. Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 sửa đổi và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường không quy định điều khoản chuyển tiếp.

3. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản có quy định điều khoản chuyển tiếp như sau:

“Điều 23. Quy định chuyển tiếp

1. Hồ sơ và mẫu các văn bản trong hồ sơ khai thác khoáng sản đã được lập theo các mẫu trước đây vẫn có hiệu lực pháp lý.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì hành được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì hành nhưng chưa hoàn thành xong việc khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; trừ thủ tục xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV thực hiện theo quy định của Thông tư này.”.

4. Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản có quy định điều khoản chuyển tiếp như sau:

“Điều 6. Quy định chuyển tiếp

1. Hồ sơ và mẫu các văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản đã được lập theo các mẫu trước đây vẫn có hiệu lực pháp lý.

2. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản để giải quyết theo thủ tục hành chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa có kết quả giải quyết hồ sơ thì tổ chức, cá nhân được lựa chọn thực hiện trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ hoặc theo quy định của Thông tư này.”.

5. Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 có quy định điều khoản chuyển tiếp như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt gửi đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì hành thi tiếp tục được thực hiện theo quy định của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT;”

Trường hợp¹⁷ điều chỉnh, thu hồi Thư phê duyệt và báo cáo thực hiện theo quy định tại các Điều¹⁸ 13, 14 và 15 Thông tư này.

Điều 17. Hiệu lực thi hành¹⁹

¹⁷ Cụm từ “Gia hạn” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

¹⁸ Cụm từ “Điều 12” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

¹⁹ 1. Điều 2 của Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2022 quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2022.

2. Điều khoản chuyển tiếp

Các yêu cầu điều kiện đầu tư kinh doanh, hồ sơ đã được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì xử lý theo quy định của các Thông tư hiện hành tại thời điểm tiếp nhận.

3. Tổng cục Quản lý đất đai; Tổng cục Khí tượng thủy văn; Cục Quản lý tài nguyên nước; Cục Biến đổi khí hậu và Vụ Pháp chế có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Thông tư này.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

2. Điều 4 của Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT sửa đổi và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023 quy định như sau:

“Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

3. Điều 24 Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành quy định như sau:

“Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, chấm dứt hiệu lực thi hành các Thông tư sau đây:

a) Thông tư số 51/2015/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn nội dung thanh tra chuyên ngành khoáng sản;

b) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; 25

c) Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

d) Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế;

đ) Điều 1 Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV, trữ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 23 của Thông tư này”.

4. Điều 7 Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành quy định như sau:

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 05 năm 2014 và thay thế Thông tư số 12/2010/TT-BTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo CDM trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto và Thông tư số 15/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2010.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Cục Biến đổi khí hậu²⁰:

a) Theo dõi, hướng dẫn các bên xây dựng dự án trong quá trình xem xét, cấp Thư xác nhận, Thư phê duyệt theo quy định tại Thông tư này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hàng năm lập kế hoạch và tiến hành kiểm tra việc thực hiện các quy định hiện hành trong nước và quốc tế đối với dự án CDM; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết, xử lý vi phạm đối với hoạt động thực hiện dự án theo CDM quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường²¹ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

“Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, chấm dứt hiệu lực thi hành các Thông tư sau đây:

a) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

b) Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

c) Điều 1 Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường”.

5. Điều 3 Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt gửi đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo quy định của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để kịp thời xem xét, giải quyết”./..

²⁰ Cụm từ “Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu” được sửa đổi thành cụm từ “Cục Biến đổi khí hậu” theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2022.

ương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân các cấp và hỗ trợ các bên xây dựng dự án trong quá trình xây dựng và thực hiện dự án CDM theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành các quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường²² để xem xét, xử lý./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: /VBHN-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2025

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Sở NN&MT tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ NN&MT;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, BDKH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

²¹ Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” được sửa đổi thành cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

²² Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được sửa đổi thành cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Phụ lục 1²³ (được bãi bỏ)

Phụ lục 2²⁴ (được bãi bỏ)

Phụ lục 3²⁵ (được bãi bỏ)

Phụ lục 4²⁶ (được bãi bỏ)

²³ Phụ lục 1 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

²⁴ Phụ lục 2 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

²⁵ Phụ lục 3 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

²⁶ Phụ lục 4 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

Phụ lục 5²⁷**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG THƯ PHÊ DUYỆT**

*(Kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG THƯ PHÊ DUYỆT

Kính gửi: Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Chúng tôi là ... (1)..., Chủ Dự án/bên tham gia Dự án "... (2)..."

Thư phê duyệt số..... ngày.....tháng năm.....

1. Lý do đề nghị điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt:

.....
.....

2. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....
.....

Đề nghị Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt dự án ... (2)... cho ... (1)....

(Địa danh), ngày....tháng.....năm.....

...(3)...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan, doanh nghiệp Chủ Dự án/bên tham gia Dự án;
- (2) Tên đầy đủ của dự án;
- (3) Thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp Chủ Dự án/bên tham gia Dự án.

²⁷ Quy định Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 19/2022/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

Nội dung khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 19/2022/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023 được bãi bỏ tại điểm đ, Khoản 2, Điều 24 Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản và tại điểm c, Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Quy định Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt được bổ sung tại Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Phụ lục 6**MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ 06 THÁNG MỘT LẦN VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN**

(Kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN
THEO CƠ CHẾ PHÁT TRIỂN SẠCH**

Kính gửi: - Cục Biến đổi khí hậu²⁸- DNA Việt Nam
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường²⁹

Tên chủ đầu tư, chủ dự án:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....

Chủ đầu tư, chủ dự án ...(tên dự án)... xin báo cáo hiện trạng và tình hình thực hiện dự án như sau:

1. Hiện trạng

(Nêu các nội dung như dưới đây)

a. Đặc điểm tình hình

- Ngày khởi công dự án:
- Diện tích mặt bằng của dự án:
- Giấy đăng ký kinh doanh:
- Ngày đi vào hoạt động:
- Đóng góp của dự án vào sự phát triển bền vững tại địa phương; các lợi ích kinh tế-xã hội do dự án mang lại:

²⁸ Cụm từ “Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu” được sửa đổi thành cụm từ “Cục Biến đổi khí hậu” theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2022.

²⁹ Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” được sửa đổi thành cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

b. Về đất đai

- Các Quyết định của các cấp có thẩm quyền về việc cho thuê đất xây dựng dự án;
- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư và hoàn nguyên rừng (đối với những diện tích rừng bị mất)

c. Về giấy phép

Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước... (đối với từng loại hình dự án cụ thể).

d. Về môi trường

- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của cấp có thẩm quyền;
- Thực hiện giám sát chất lượng môi trường hàng năm theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

e. Về an toàn công trình**g. Về khí tượng thủy văn (đối với dự án thủy điện)**

- Số liệu khí tượng thủy văn phục vụ lập hồ sơ thiết kế công trình;
- Phương án cụ thể dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong giai đoạn thiết kế thi công và vận hành thủy điện;
- Quy chế phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc dự báo, cảnh báo phục vụ phòng chống lũ.

2. Tình hình thực hiện dự án CDM**Quy trình và tiến độ triển khai**

Nêu rõ các hoạt động thực hiện từ khi nhận được LoA đặc biệt là các thông tin:

- Thời điểm được EB công nhận là dự án CDM hoặc dự kiến thời điểm dự án được EB công nhận là dự án CDM;
- Thời điểm được EB cấp CER, lượng CER được cấp hoặc dự kiến thời điểm được cấp CER đối với những dự án đã được EB công nhận. Đối với những dự án đã được nhận CER, cần liệt kê chi tiết thông tin về lượng CER nhận được, tỉ lệ phân chia CER giữa các bên tham gia dự án và việc nộp phí cho Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam.
- Các thông tin liên quan về thay đổi nội dung (nếu có) trong PDD so với nội dung trong PDD trình DNA Việt Nam?
- Số lượng CER được cấp hoặc đề nghị cấp cho dự án kể từ thời điểm dự án được đăng ký có thay đổi so với lượng CER ước tính theo nội dung trong PDD trình DNA Việt Nam?

Kiến nghị (nếu

có):.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

TM. CƠ QUAN/ TỔ CHỨC
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁴² Phụ lục 19 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

Phụ lục 21⁴⁴ (được bãi bỏ)

Phụ lục 22⁴⁵ (được bãi bỏ)

⁴³ Phụ lục 20 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

⁴⁴ Phụ lục 21 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

⁴⁵ Phụ lục 22 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi và bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

Phụ lục 23**MẪU THƯ PHÊ DUYỆT PDD**

*(Kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*



MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF VIET NAM⁴⁶
VIET NAM NATIONAL STEERING COMMITTEE FOR UNFCCC AND KYOTO PROTOCOL
10 Ton That Thuyet street - Cau Giay - Ha Noi - Viet Nam

Tel: (0243) 7956868 - Fax: (0243) 8359221 - Email: VietnamDNA@monre.gov.vn

Ref:

Hanoi, date month year

To: Project Participants and Designated Operational Entity

Subject: Viet Nam DNA's Letter of Approval for the (1)...

Dear Sir/Madam,

Regarding the(1).... developed by the ...(2)...., the Ministry of Agriculture and Environment (MAE)⁴⁷ of Viet Nam issues a Letter of Approval for this CDM project activity in Viet Nam and would like to confirm that:

1. The Government of Viet Nam has ratified the Kyoto Protocol on 25 September 2002;
2. This is approval of voluntary participation in the proposed CDM project activity; and
3. The above-mentioned project activity contributed to sustainable development in Viet Nam.

The duration of validity of this Letter of Approval shall be 24 months from the date hereof.

Furthermore, this Letter of Approval is subject to the condition: the project must be developed in accordance with the Project Design Document received by the Viet Nam DNA. The Viet Nam DNA reserves its right to revoke this Letter of Approval in the event of non-compliance with the condition stated herein.

Yours sincerely,

Chairman,

Viet Nam National Steering Committee for UNFCCC and Kyoto Protocol

Ghi chú:

(1) Tên đầy đủ dự án bằng tiếng Anh

(2) Tên các bên tham gia xây dựng dự án bằng tiếng Anh

⁴⁶ Cụm từ “MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF VIET NAM” được sửa đổi thành cụm từ “MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF VIET NAM” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

⁴⁷ Cụm từ “MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF VIET NAM” được sửa đổi thành cụm từ “MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF VIET NAM” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Phụ Lục 24**MẪU THƯ PHÊ DUYỆT PoA-DD**

*(Kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*



MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF VIET NAM⁴⁸
VIET NAM NATIONAL STEERING COMMITTEE FOR UNFCCC AND KYOTO PROTOCOL

10 Ton That Thuyet street - Cau Giay - Ha Noi - Viet Nam

Tel: (0243) 7956868 - Fax: (0243) 8359221 - Email: VietnamDNA@monre.gov.vn

Ref:

Hanoi, date month year

To: Project Participants and Designated Operational Entity

Subject: Viet Nam DNA's Letter of Approval for the (1)...

Dear Sir/Madam,

The Coordinating/Managing Entity (CME) of the(1)... (hereinafter referred to as the "Programme") is the ...(2)...

The Designated National Authority (DNA) of Viet Nam under the Ministry of Agriculture and Environment (MAE)⁴⁹ of Viet Nam is authorized to issue a Letter of Approval for this Programme and would like to confirm that:

1. The Government of Viet Nam has ratified the Kyoto Protocol on 25 September 2002;
2. This is approval of voluntary participation in the proposed Programme;
3. The Programme contributed to sustainable development in Viet Nam.

The duration of validity of this Letter of Approval shall be 24 months from the date hereof.

Furthermore, this Letter of Approval is subject to the condition: the Programme must be developed in accordance with the Programme of Activities Design Document received by the Viet Nam DNA. The Viet Nam DNA reserves its right to revoke this Letter of Approval in the event of non-compliance with the condition stated herein.

Yours sincerely,

Chairman,

Viet Nam National Steering Committee for UNFCCC and Kyoto Protocol

Ghi chú:

(1) Tên đầy đủ dự án bằng tiếng Anh

(2) Tên đơn vị điều phối/quản lý chương trình bằng tiếng Anh

⁴⁸ Cụm từ "MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF VIET NAM" được sửa đổi thành cụm từ "MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF VIET NAM" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

⁴⁹ Cụm từ "MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF VIET NAM" được sửa đổi thành cụm từ "MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF VIET NAM" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.